

Bà và ông H tự tìm hiểu và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ML, huyện X, tỉnh Long An ngày 29/10/2019. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống do ông H có hành vi bạo lực, hỗn với cha mẹ của bà và bất đồng quan điểm trong việc nuôi dưỡng con chung. Ông H nói bà có người đàn ông khác là không đúng. Bà đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống gần 2 tháng. Bà có về thăm con nhưng gia đình ông H ngăn cản. Nay bà xác định không thể hàn gắn được nên yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà và ông H có 01 con chung tên Huỳnh Gia B, sinh ngày 20/5/2020 hiện đang sống với ông H. Khi ly hôn, bà nhường quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho ông H và cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật là 750.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Trong đơn khởi kiện ngày 21/12/2021, bà yêu cầu chia đôi tài sản chung gồm:

- Chiếc xe máy hiệu Yamaha Exciter 150 do ông H đứng tên, giá trị ước tính khoảng 52.000.000 đồng. Bà yêu cầu ông H nhận xe và giao lại cho bà $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe là 26.000.000 đồng.

- 07 chỉ vàng 24kr gồm: 01 dây chuyền 04 chỉ, 1 cặp nhẫn cưới 1 chỉ, 01 lắc tay 02 chỉ. Bà yêu cầu chia đôi số vàng. Ông H nhận hiện vật là 07 vàng 24kr và giao lại cho bà 3,5 chỉ vàng quy ra giá trị là 18.000.000 đồng.

Nay, bà xác định rút yêu cầu chia tài sản chung.

Về nợ chung: Bà L xác định vợ chồng bà không có nợ chung.

** Theo lời trình bày của bị đơn ông Huỳnh Ngọc H trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:*

Về thời gian kết hôn và con chung như bà L trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà L không chung thủy, có người đàn ông khác. Bà L cũng đã thừa nhận với cha mẹ ông. Nay không thể sống chung nên ông đồng ý ly hôn với bà L.

Về con chung: Ông và bà L có 01 con chung tên Huỳnh Gia B, sinh ngày 20/5/2020. Khi ly hôn, ông đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng con chung và bà L phải cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông xác định yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng do tiền mua sữa cho con mỗi tháng khoảng 3.000.000 đồng (chưa kể các chi phí khác). Bà L muốn về thăm con thì về, ông không cấm cản.

Về tài sản chung: Không có, Chiếc xe Yamaha Exciter 150 do ông đứng tên là phương tiện đi lại duy nhất của ông. Về số vàng 07 chỉ 24 kr là vàng cưới cho chung 2 vợ chồng nhưng khi bà L bỏ nhà đi mang theo tiền bạc trong nhà, ông một mình nuôi con, không thể đi làm nên đã bán vàng để trang trải chi phí sinh hoạt cho con chung và ông.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

Bà Phạm Thị Thùy L nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Ngọc H. Căn cứ nơi cư trú của bị đơn, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện X theo quy định tại Điều 28 và Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông H được pháp luật công nhận là vợ chồng. Nay bà L kiên quyết xin ly hôn với ông H vì không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân. Ông H không đưa ra được bất kỳ giải pháp nào để hàn gắn và đồng ý ly hôn thể hiện hai bên không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân này. Do đó, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn trong hôn nhân giữa 2 bên là trầm trọng, yêu cầu xin ly hôn của bà L có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về nuôi con chung:

Khi ly hôn, bà L đồng ý giao con chung tên Huỳnh Gia B, sinh ngày 20/5/2020 cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông H đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu bà L phải cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Bà L chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con 750.000 đồng/tháng vì cho rằng hiện nay bà chưa có việc làm.

Xét thấy, bà L không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên bà phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình. Về mức cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử thấy rằng, bà L xác định sức khỏe hiện nay của bà là bình thường. Bà L chưa có việc làm chỉ là tạm thời. Sau khi ly hôn, bà sẽ đi tìm việc làm và có thu nhập. Trong điều kiện xã hội hiện nay, chi phí cơ bản để nuôi dưỡng 1 đứa bé là khá nhiều. Cháu Gia B chưa được 2 tuổi nên các chi phí tã, sữa là những nhu cầu rất cơ bản và cần thiết không thể thiếu nhằm đảm bảo sự phát triển tốt cho sức khỏe của cháu.

Ông H xác định tiền sữa của Gia B mỗi tháng khoảng 3.000.000 đồng (Bà L không phản đối về mức tiền sữa hàng tháng của Gia B). Do ông H là người trực tiếp nuôi con nên các chi phí liên quan đến cuộc sống của bé đều do ông H đảm nhận (các chi phí tã, ăn uống, đồ chơi, chi phí liên quan đến sức khỏe của cháu Gia B...) nên ông H yêu cầu bà L phụ cấp $\frac{1}{2}$ tiền sữa cho con là hợp lý. Do đó, yêu cầu của ông H là có căn cứ chấp nhận theo Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình. Bà L phải phụ cấp nuôi dưỡng con chung 1.500.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 02/2022 cho đến khi Gia B đủ 18 tuổi.

Mặc dù không trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nhưng bà L được quyền đến thăm, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con chung thì cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84

Luật Hôn nhân và gia đình có quyền làm đơn yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con; mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về nợ chung: Cho đến khi xét xử sơ thẩm, không có ai khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nợ chung của vợ chồng bà L và ông H nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[2.4] Về tài sản chung: Bà L rút yêu cầu nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung. Về quyền khởi kiện lại của bà L được thực hiện theo Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ các phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ chấp nhận một phần.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Ông H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147, 218, 244, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thùy L về việc “Ly hôn và chia tài sản chung khi ly hôn” đối với ông Huỳnh Ngọc H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thùy L được ly hôn với ông Huỳnh Ngọc H.

2. Về con chung:

Giao 01 con chung tên Huỳnh Gia B, sinh ngày 20/5/2020 cho ông Huỳnh Ngọc H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Buộc bà Phạm Thị Thùy L phải cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 02/2022 cho đến khi Huỳnh Gia B đủ 18 tuổi.

Mặc dù không trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nhưng bà Phạm Thị Thùy L được quyền đến thăm, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con chung thì cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền làm đơn yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con; mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản chung:

Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của bà Phạm Thị Thùy L đối với ông Huỳnh Ngọc H.

Hậu quả của việc đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung: Khi Tòa án đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung, đương sự không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án đó, nếu việc khởi kiện vụ án sau không có gì khác với vụ án trước về nguyên đơn, bị đơn và quan hệ pháp luật có tranh chấp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 192, điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí:

Bà Phạm Thị Thùy L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ 1.400.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Long An (trong đó 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002151 và 1.100.000 đồng theo biên lai thu số 0002150 cùng ngày 29/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Long An). Bà Phạm Thị Thùy L được hoàn lại 800.000 đồng tiền tạm ứng án phí còn thừa.

Ông Huỳnh Ngọc H không phải chịu án phí.

4/ Án xử sơ thẩm, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- Chi cục THA huyện X;
- VKSND huyện X;
- Các đương sự;
- UBND xã ML;
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lê Thị Mỹ Phượng